TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2018
V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Dũng

2. Bà Huỳnh Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T. Sinh năm: 1979

Trú tại: Đường S, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H. Sinh năm: 1972.

Trú tại: Đường S, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2011 thì tình cảm phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên cãi vả, ông H hay ghen và đánh đập bà, bôi nhọ nhân phẩm bà và hay cản trở công việc làm ăn của bà.

Hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà xác nhận, bà và ông H có 02 con chung là Võ Hải B, sinh ngày 08/5/2003 và Võ Thị Hồng A, sinh ngày 18/4/2006. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn ông Võ Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà T về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống. Sau khi cưới vợ chồng sống tại quê nhà rất hạnh phúc. Đến năm 2017 sau khi vợ chồng chuyển đến sinh sống tại đường S, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng thì không hiểu nguyên nhân tại sao bà T lại yêu cầu ly hôn ông, mặc dù ông đã thuyết phục, khuyên răn bà T rất nhiều lần.

Nay bà T có đơn gửi Tòa án xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo ý nguyện của bà T.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Võ Hải B, sinh ngày 08/5/2003 và Võ Thị Hồng A, sinh ngày 18/4/2006. Ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi con Võ Hải B và giao con Võ Thị Hồng A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian 10 ngày ông sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết nợ chung kèm theo các tài liệu, chứng cứ liên quan để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Khi giải quyết tài sản chung thì sẽ giải quyết nợ cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị T nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Lê Thị T và ông Võ Văn H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo khai nại của bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do thường

xuyên cãi vả, ông H hay ghen và đánh đập bà, bôi nhọ nhân phẩm bà và hay cản trở công việc làm ăn của bà.

Còn theo lời khai của ông H thì năm 2017 sau khi vợ chồng chuyển đến sinh sống tại đường S, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng thì không hiểu nguyên nhân tại sao bà T lại yêu cầu ly hôn ông, mặc dù ông đã thuyết phục, khuyên răn bà T rất nhiều lần, nay bà T có đơn gửi Tòa án xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo ý nguyện của bà T.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa cả bà T và ông H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên công nhận việc thuận tình ly hôn của hai bên để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] **- Về con chung:** Vợ chồng bà T và ông H có 02 con chung là Võ Hải B, sinh ngày 08/5/2003 và Võ Thị Hồng A, sinh ngày 18/4/2006. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông H nguyện vọng xin nuôi cả hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây hai cháu Võ Hải B và Võ Thị Hồng A hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Hơn nữa, cả cháu B và cháu A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu hai cháu Võ Hải B và Võ Thị Hồng A cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận còn ông H, theo biên bản hòa giải ngày 13/6/2018 thì ông H cam kết trong thời gian 10 ngày ông sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết nợ chung kèm theo các tài liệu, chứng cứ liên quan để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá thời hạn trên nhưng ông H vẫn không làm đơn và cung cấp các tài liệu, chứng cứ để yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung cũng như nợ chung. Do đó, Hội đồng Hội đồng xét xử cần tách ra, sau này có đủ điều kiện các đương sự sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung. Riêng ông H đề nghị khi giải quyết tài sản chung thì sẽ giải quyết nợ cùng, do vậy sau này các đương sự khởi kiện Tòa án sẽ bằng vụ án dân sự khác.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị T phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Võ Văn H phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Võ Văn H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T với ông Võ Văn H.

2- Về con chung: Xử: Giao 02 con Võ Hải B, sinh ngày 08/5/2003 và Võ Thị Hồng A, sinh ngày 18/4/2006 cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/7/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001581 ngày 26/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Võ Văn H phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND xã Đ, huyện DD1, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm